TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2026/DS-ST.
Ngày: 21/04/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Vũ và bà Lê Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2026/QĐST-DS ngày 01/4/2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP S (S1);

Địa chỉ: số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn T – Phó giám đốc chi nhánh K;

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trương Thị Thanh T1; chức vụ: Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp - Chi nhánh Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: C, T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

- ***Bị đơn***: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1974; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số B T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/07/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Ngày 10/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP S với anh Huỳnh Văn C cùng ký kết Hợp đồng tín dụng (Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Viết tắt là: Thẻ tín dụng), theo đó ngân hàng đồng ý cấp cho anh C "Thẻ tín dụng" với hạn mức vay số tiền 30.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 2,77%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn, trên số tiền dư nợ; phương thức trả nợ: Không thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc, nhưng nợ gốc không được vượt quá hạn mức vay (30 triệu đồng); lãi trả hàng tháng, thời hạn trả lãi được tính ngay sau khi thực hiện giao dịch rút tiền lần đầu tiền.

Sau khi được cấp thẻ anh Huỳnh Văn C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng; tính từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, anh C đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 3.453.641 đồng. Sau đó anh C không trả nợ cho ngân hàng. Từ ngày 25/3/2024 ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, với mức lãi suất 150%/năm.

Đến ngày xét xử 21/04/2026, anh C còn nợ ngân hàng số tiền tổng cộng 44.929.929 đồng, trong đó:

- Nợ gốc 32.740.629 đồng;

- Lãi trong hạn: 00 đồng;

- Lãi quá hạn: 12.189.300 đồng (Tính từ ngày 25/3/2024 đến 21/04/2026);

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh Huỳnh Văn C phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 21/04/2026 là 44.929.929 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 21/04/2026 đến khi trả hết nợ, theo lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng vay.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền, nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp của mình.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi:

Việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn anh Huỳnh Văn C thường xuyên vắng mặt nơi cư trú. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh C và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 BLTTDS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025); Áp dụng các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 BLDS 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S: Buộc anh Huỳnh Văn C phải trả các khoản nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng. Anh C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- *Thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng khởi kiện anh Huỳnh Văn C về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn anh C có địa chỉ như trong hợp đồng tín dụng là số B T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc bị đơn anh Huỳnh Văn C vắng mặt tại nơi cư trú*:

Anh C có hộ khẩu thường trú tại số B T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho anh C, nhưng không thực hiện được do anh C thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Chính quyền địa phương không rõ anh C làm gì ở đâu và khi nào về nhà. Do đó Tòa án đã niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh C để làm căn cứ giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của ngân hàng buộc anh Huỳnh Văn C phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 21/4/2026 là 44.929.929 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 21/4/2026 đến khi trả hết nợ. Xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/10/2024 và căn cứ các nội dung trong Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 (viết tắt là: Điều khoản). Sau đây Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Điều khoản gọi là: Hợp đồng Thẻ tín dụng. Có cơ sở khẳng định: Ngày 10/10/2024 giữa Ngân hàng với anh C cùng ký kết Hợp đồng Thẻ tín dụng (thẻ visa C1), theo đó ngân hàng cấp cho anh C "Thẻ tín dụng" với hạn mức vay số tiền 30.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 2,77%/tháng, theo quy định tại điểm a Điều 23.1 của Điều khoản thì tiền lãi được tính từ thời điểm chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày việc thanh

toán được thực hiện đầy đủ. Lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn trên số tiền dư nợ (Điều 1.24 của Điều khoản); phương thức trả nợ: Không thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc, nhưng nợ gốc không được vượt quá hạn mức vay (20 triệu đồng); lãi trả hàng tháng, thời hạn trả lãi được tính ngay sau khi thực hiện giao dịch rút tiền lần đầu tiền.

Sau khi được cấp thẻ anh Huỳnh Văn C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng; tính từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, anh C đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 3.453.641 đồng. Sau đó anh C không trả nợ cho ngân hàng, như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Từ ngày 25/03/2025 ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, với mức lãi suất 150%/năm. Đến ngày xét xử 21/04/2026, anh C còn nợ ngân hàng số tiền gốc và lãi là 44.929.929 đồng.

Khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng 2024, quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng:

"*2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng*".

Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

"*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.*

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Điều 282 Bộ luật Dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ theo định kỳ:

"*Nghĩa vụ được thực hiện theo định kỳ theo thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.*

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ".

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về ghĩa vụ trả nợ của bên vay: "*5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Xét nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và việc anh C vi phạm hợp đồng về thời hạn trả nợ; và căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc anh C phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi suất quá hạn là 44.929.929 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 21/04/2026 đến khi trả hết nợ, là có căn cứ được chấp nhận.

[3] *Về án phí*:

Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận; nên anh C phải chịu 2.246.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025);

Áp dụng các Điều 280, Điều 282, Điều 357, Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 100, khoản 1, 2 Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng 2024;

Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đề ngày 10/07/2025.

2. Buộc anh Huỳnh Văn C phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và tiền lãi suất tính đến ngày 21/4/2026 là 44.929.929 (Bốn mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm hai chín) đồng, trong đó tiền nợ gốc 32.740.629 đồng, tiền lãi nợ quá hạn 12.189.300 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

- Anh Huỳnh Văn C phải chịu 2.246.500 đồng *(Hai triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 919.077 đồng *(Chín trăm mười chín nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng)* đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002004 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/4/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Nghiên